

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 23/3/2020.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn.
2. Bà Đinh Hồ Mỹ Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm: 1987; địa chỉ: 3/7 ấp P Đ, xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 105/7A ấp H T1, xã T Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** Anh Trần Hoàng T - Sinh năm: 1986; địa chỉ: 3/7 ấp P Đ, xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2010 chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Hoàng T có tiền đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/02/2011.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn

mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, giữa anh chị thường hay cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Hoàng T có 01 người con chung là Trần Bảo L - Sinh ngày 17/3/2013. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nhưng có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến với nội dung:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Sau khi ly hôn anh đồng ý việc chị T tiếp tục nuôi con chung là Trần Bảo L - Sinh ngày 17/3/2013 và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, về nợ: Không có.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T.

Ghi nhận việc anh chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị T và anh T thống nhất sau khi ly hôn chị T tiếp được quyền tiếp tục nuôi con chung là Trần Bảo L - Sinh ngày 17/3/2013.

Ghi nhận việc anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Tòa tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản, về nợ: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Việc kết hôn giữa chị T và anh T là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/02/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Bảo L - Sinh ngày 17/3/2013, hiện nay đang sống với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị thống nhất để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản, về nợ: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 115, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Hoàng T.

Ghi nhận việc anh chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo L - Sinh ngày 17/3/2013 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi tuyên án (ngày 23/3/2020) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, về nợ: Chị T, anh T khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007038 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Hoàng T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức

